

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ VINAHEMA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ VINAHEMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107965441

**3. Ngày thành lập:** 16/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P202+203, nhà A, số 6, phố Hàng Cháo, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937603388

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                           | 8559     |
| 2.  | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                 | 9620     |
| 3.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                  | 3700     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                | 4322     |
| 5.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                          | 1811     |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                       | 1812     |
| 7.  | Thu gom rác thải độc hại<br>- Chi tiết: Thu gom rác thải y tế; Thu gom rác thải độc hại khác                                                                                                                                                   | 3812     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính; Bán buôn hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng; Bán buôn hóa chất đa dụng và y tế. | 4669     |
| 9.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                 | 1410     |
| 10. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                        | 3320     |
| 11. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                       | 3821     |
| 12. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                              | 3600     |
| 13. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                              | 3900     |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                              | 4690     |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                       | 7020     |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                            | 7730     |
| 17. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>- Chi tiết: Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng;                                                                                                                                                            | 8129     |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                      | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Giặt là khử khuẩn đồ vải y tế; Tẩy và tiệt trùng dụng cụ y tế.                                                                                                                            | 8699(Chính) |
| 20. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                      | 3811        |
| 21. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;                                                                                                          | 4649        |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Đánh giá tác động môi trường; Quan trắc môi trường; Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động                                                                      | 7490        |
| 25. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                | 8532        |
| 26. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá                                                                                                                                                                                                                | 8610        |
| 27. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>- Chi tiết: Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập chiến lược, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.                                                                               | 7110        |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                     | 4659        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm<br>- Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                      | 4632        |
| 30. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                | 4641        |
| 31. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                      | 7120        |
| 32. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>- Chi tiết: Xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác                                                                                                                          | 3822        |
| 33. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                    | 3830        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LÀNH     | Tổ 15, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                       | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 112100711                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | THIỀU THỊ THANH NGÀ | P 303, số 06, đường Hàng Cháo, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 540.000    | 5.400.000.000         | 60,000    | B9802239                                                                                    |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 540.000    | 5.400.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ THỊ THU HẰNG     | Thôn Tiên Mai, Xã Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 025183000200                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | CHU MINH NHÌ        | Số 424, đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 011689570                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | PHÙNG ĐỨC CẦU       | Số nhà 28 ngõ 8/115, làng Bún Phú Đô, Tổ 1, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 013184416                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **THIỀU THỊ THANH NGÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *10/11/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *B9802239*

Ngày cấp: *18/12/2014*

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P 303, số 06, đường Hàng Cháo, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P 303 ,số 06, đường Hàng Cháo, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*